

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3177/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5045/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Quốc Đ, sinh năm 1984.

Thường trú: Đường A, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường P, tổ C, khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Thị Ngát, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường G, tổ D, khu phố B, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Huỳnh Quốc Đ trình bày: Ông và bà Bùi Thị Ng tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khi sinh hai người con chung thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông bà

đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Huỳnh Minh N, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 20/02/2013. Hiện nay bà Ng đang nuôi 02 người con chung, sau khi ly hôn ông giao 02 người con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Bùi Thị Ng mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Huỳnh Quốc Đ có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bà Bùi Thị Ng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành, đúng pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Quốc Đ có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án, bà Bùi Thị Ng vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Huỳnh Quốc Đ và bà Bùi Thị Ng tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 29/7/2005 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, không có tiếng nói

chung, không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã từ đó làm cho cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Bà Bùi Thị Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng bà Ng vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà Ng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của ông Đ và cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Ng không còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông bà cũng đã ly thân và nay ông Đ xin ly hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc xin ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của ông Đ và bà Ng, giấy khai sinh của người con được các đương sự thừa nhận và cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung ông Đ và bà Ng có 02 người con chung là Huỳnh Minh N, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 20/02/2013. Xét hiện tại hai người con chung đang ở với bà Ng, các con hiện đang được chăm sóc, được học tập tốt và đều có nguyện vọng được ở với bà Ng nên Hội đồng xét xử có cơ sở giao 02 người con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 20/02/2013 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định môi trường phát triển và học tập. Bà Ng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015, ông Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Quốc Đ được ly hôn bà Bùi Thị Ng.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Huỳnh Minh N, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 20/02/2013.

Giao 02 người con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 08/10/2007 và cháu Huỳnh Nhật H, sinh ngày 20/02/2013 cho bà Bùi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con bà Ng không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

2-/ Về án phí: Ông Huỳnh Quốc Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0058298 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, ông Đ đã nộp đủ tiền án phí. Bà Ng không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

